

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Thanh Hồng.

2. Ông: Lò Văn Ôn.

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 16/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1980.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Thanh B, xã Thanh A, h. Điện Biên, t. Điện Biên. Hiện trú tại: Đội 11, xã Thanh A, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1965.

Trú tại: Đội 14, xã Thanh X, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/12/2020 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, Bà Trần Thị Kim L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà L và ông T về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 7/2016, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp, ông T nhiều lần đánh đập bà L và đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Bà L và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Bà L xét

thấy tình cảm với ông T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Ngô Việt H, sinh ngày 01/5/2017. Nguyên vọng của bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; diện tích đất ruộng nương: Khẩu của ai người đó tự quản lý và sử dụng.

Tại bản ghi ý kiến của bị đơn ngày 17/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn T (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Ông T và Bà L về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 7/2016, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống bản tính ông T do nóng tính, nhưng khi chồng nói 1 thì vợ cãi 2, dẫn đến bức mình thì có tát bà L vài cái, vì bà L có 02 con riêng nên ông T muốn bà L cũng phải có trách nhiệm với các con riêng của bà L nhưng vợ chồng phải bàn bạc với nhau chứ không được lên lút để chăm sóc con riêng, vì ông T là trụ cột gia đình nên cần phải bàn bạc với ông T. Do tuổi đã già rồi không còn bông bột để mà sống tạm bợ được, cũng cần tuổi già có vợ, có chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung, con riêng. Ông T không muốn ly hôn, nếu bà L cương quyết xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý, không có ý kiến gì thắc mắc.

2. Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là cháu Ngô Việt H, sinh ngày 01/5/2017. Nguyên vọng của ông T xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; diện tích đất ruộng nương: Khẩu của ai người đó tự quản lý và sử dụng.

Tại đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân vào ngày 20/12/2019 , chính quyền địa phương xã Thanh X huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xác nhận như sau:

Bà Trần Thị Kim L và ông Ngô Văn T, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 07/2016; Ông T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Đội 14, xã Thanh X, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được mấy tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, ông T nhiều lần có đánh bà L, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không có kết quả, bà L và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Ngô Việt H, sinh ngày 01/5/2017. Nguyên vọng của bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa bà Trần Thị Kim L và ông Ngô Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Ngô Văn T đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Kim L và ông Ngô Văn T đều khai và công nhận tháng 07/2016 vợ chồng về chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSDNTC-BTP ngày 03/01/2001 thì xác định mối quan hệ giữa bà L và ông T được coi là nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng. Bà L và ông T chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, có một vài lần ông T đã tát bà L dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Bà L xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý ly hôn không có ý kiến gì thắc mắc. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim L và ông Ngô Văn T.

[2.2]. Về con chung: Bà L và ông T đều khai và công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Ngô Việt H, sinh ngày 01/5/2017. Nguyên vọng của bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông T cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc giao cháu Hà cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, hoàn cảnh để cho cháu Hà có cuộc sống ổn định và sự phát triển về mọi mặt của cháu được tốt hơn, xem xét về điều kiện sống của cả hai thì ông T và bà L đều có nhà cửa ổn định, đáp ứng được về mặt vật chất và tinh thần cho cháu Hà. Nhưng xét thấy cháu Hà chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu lại là con gái nên vẫn cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy nguyện vọng của bà L là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 69, khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyện vọng của ông T không được Tòa án chấp nhận. Giao cháu Ngô Việt H cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L và ông T đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003307 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 69, 70, 71; 72; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim L và ông Ngô Văn T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Ngô Việt H, sinh ngày 01/5/2017 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003307 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

